

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PÁC NẶM
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: 04/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 19/10/2018

V/v ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Quế

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Hồng Thái

Ông Phạm Anh Tuấn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bào Kim Vân - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa: Ông Cà Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Pác Nặm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2018/TLST- HNGĐ, ngày 09/7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐST – HNGĐ, ngày 25/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Mùi P - sinh năm 1991 (Có mặt)
2. Bị đơn: Anh Lý Kiềm S - Sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: thôn C, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Triệu Mùi P trình bày: Chị P và S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng vào ngày 25/10/2012.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị P anh S về sống chung cùng gia đình chồng tại xã M, huyện N, tỉnh C. Đến năm 2014 thì chuyển về sống tại nhà bố mẹ chị P tại thôn C, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình chung sống hai vợ chồng không tạo lập được tài sản gì chung.

Hai vợ chồng chị P anh S có 01 con chung là cháu Triệu Vạn Q – sinh ngày 07/10/2011 hiện nay đang ở cùng chị P tại thôn C, xã G, huyện P.

Quá trình sống chung, hai vợ chồng sống không hoà thuận, hạnh phúc, không quan tâm đến nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ tháng 11 năm 2017 anh S bỏ nhà đi đâu không rõ.

Cho đến tháng 07/2018, chị P có đơn đề nghị giải quyết việc ly hôn nhưng anh S đã bỏ đi khỏi địa phương không rõ địa chỉ, không liên lạc, không để lại địa chỉ để chị P được biết.

Chị P đã tìm cách liên lạc nhưng không thể biết anh S đang ở đâu.

Chị P đã đề nghị Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thông báo việc giải quyết ly hôn và thông báo để anh S về Tòa án nhân dân huyện P để giải quyết việc ly hôn, đến nay đã hết thời hạn thông báo nhưng anh S vẫn không có mặt.

Chị P xác định anh S không còn quay về hơn nữa tình cảm vợ chồng không còn, chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lý Kiềm S.

Về con chung: Chị P yêu cầu được nuôi con chung là cháu Triệu Vạn Q – sinh ngày 07/10/2011 và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, khoản nợ chung: chị P không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị P có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, tuy nhiên anh Lý Kiềm S đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 11 năm 2017, chị P đã đề nghị Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại khoản 4 điều 173 và điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thông báo trên phương tiện truyền thông yêu cầu anh S đến trụ sở Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm để giải quyết việc chị P có đơn yêu cầu ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú theo quy định tại khoản 3 điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào lời khai của chị Triệu Mùi P, bà Dương Thị L là trưởng thôn C, xã G và ông Hoàng Văn T là Trưởng công an xã G cùng những tài liệu xác minh khác xác nhận anh Lý Kiềm S bỏ nhà đi khỏi địa phương từ tháng 11 năm 2017 không chuyển hộ khẩu đi cũng không có tin tức gì.

Căn cứ những tài liệu chứng cứ trên, Tòa án giải quyết vụ án ly hôn vắng mặt bị đơn anh Lý Kiềm S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xét đơn xin ly hôn của chị P thấy rằng Chị P và anh S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng, quá trình sống chung anh S thường xuyên bỏ nhà đi. từ tháng 11 năm 2017 anh S bỏ nhà đi không cho chị P biết địa chỉ cho đến nay và cũng không quan tâm đến chị P. Hội đồng xét xử đánh giá: Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình nêu rõ vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vì vậy cần chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Mùi P.

2. Về con chung: Chị P và anh S có một con chung là Cháu Triệu Vạn Q, sinh ngày 07/10/2011 hiện nay đang ở cùng chị P tại nhà bố mẹ đẻ của chị P thuộc thôn C, xã G, huyện P. Sau khi ly hôn chị P xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận giao cháu Triệu Vạn Q – sinh ngày 07/10/2011 cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, khoản nợ chung: Chị P không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về chi phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Chị Triệu Mùi P tự nguyện chịu khoản chi phí thông báo là 2.850.000đ (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về án phí: Chị P phải chịu toàn bộ án phí vụ án.

Vì các lý lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, 39, 40, 173, 180, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Mùi P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Mùi P được ly hôn với anh Lý Kiềm S.

2. Về con chung: Chị Triệu Mùi P được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Triệu Vạn Q – sinh ngày 07/10/2011 đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Triệu Mùi P không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh S có quyền thăm nom con chung theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, khoản nợ chung: Chị P không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Triệu Mùi P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm n hưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 01731 ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- VKSND huyện Pác Nặm (01b)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b)
- Chi cục THADS huyện Pác Nặm (01b);
- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- UBND xã M (01b);
- UBND xã G, niêm yết (02b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu Vp (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Chu Đức Quế